

5. Chí tâm tinh tấn (至心精進)

Phẩm này tiếp ý phẩm trước. Pháp Tạng Bồ Tát phát đại nguyện rằng: Tôi đã phát tâm Vô Thượng Chánh Giác, lúc tôi thành Phật, quốc độ, Phật hiệu đều nổi tiếng mười phương, hết thảy hữu tình cho đến cả các loài trùng bọ hễ sanh vào nước tôi đều thành Bồ Tát, chẳng có thừa nào khác [ngoài Bồ Tát Thừa] và nguyện rằng do Nhất Thừa nguyện hải vừa được phát khởi ấy cõi nước của tôi sẽ siêu việt vô số cõi Phật. Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai đáp ứng lời thỉnh, hiện cho Pháp Tạng thấy hai trăm mười ức cõi Phật. Pháp Tạng liền tu tập siêng gắng trong năm kiếp, kết thành nguyện thù thắng, nhiếp thọ cõi nước vượt trội xa cả hai trăm mười ức Phật sát ấy. Do vậy, phẩm này mang tên Chí Tâm Tinh Tấn.

“*Chí tâm*” là các thứ tâm hạnh chí thành vô thượng như trong kinh dạy. Hiểu sâu hơn, Pháp Tạng sau khi đích thân được thấy vô biên cõi Phật “*tiện nhất kỳ tâm, tuyển trạch sở dục*”(liền nhất tâm chọn lựa lấy những điểm mình ưa thích). “Nhất tâm” tức là “chí tâm” vậy. “*Tinh tấn*” là “ *tinh cần cầu sách, cung thận bảo trì, tu tập công đức, mãn túc ngũ kiếp*” (siêng năng, gắng gỏi, cung kính, thận trọng gìn giữ, tu tập công đức trọn cả năm kiếp), “*thành tựu trang nghiêm Phật độ thanh tịnh chi hạnh*” (thành tựu hạnh trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh).

Chánh kinh:

法藏比丘說此偈已，而白佛言：我今為菩薩道，已發無上正覺之心，取願作佛，悉令如佛。願佛為我廣宣經法，我當奉持，如法修行，拔諸勤苦生死根本，速成無上正等正覺。欲令我作佛時，智慧光明，所居國土，教授名字，皆聞十方。諸天人民及蜎蠕類，來生我國，悉作菩薩。我立是願，都勝無數諸佛國者，寧可得否？

Pháp Tạng tỳ-kheo thuyết thử kệ dĩ, nhi bạch Phật ngôn:

- *Ngã kim vi Bồ Tát đạo, dĩ phát vô thượng chánh giác chí tâm, thủ nguyện tác Phật, tất linh như Phật. Nguyện Phật vị ngã quảng tuyên kinh pháp, ngũ đương phụng trì, như pháp tu hành, bạt chư*

cần khổ sanh tử căn bản, tốc thành vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, dục linh ngã tác Phật thời, trí huệ quang minh, sở cư quốc độ, giáo thọ danh tự, giai văn thập phương, chư thiên nhân dân cấp quỳên nhuyễn loại, lai sanh ngã quốc, tất tác Bồ Tát. Ngã lập thị nguyện, đô thắng vô số chư Phật quốc giả, ninh khả đắc phủ?

Tỳ-kheo Pháp Tạng nói bài kệ ấy xong liền bạch Phật rằng:

- Con nay hành Bồ Tát đạo đã phát tâm Vô Thượng Chánh Giác, phát nguyện thành Phật ngõ hầu được như đức Phật. Nguyện Phật vì con rộng tuyên kinh pháp, con sẽ phụng trì, tu hành đúng như pháp, nhờ các cội rễ sanh tử nhọc nhằn, chóng thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Con muốn khi mình được thành Phật, trí huệ, quang minh, quốc độ mình ở, giáo thọ, danh hiệu đều nổi tiếng mười phương. Chư thiên, nhân dân và các loài bay, bò... hễ sanh về nước con đều là Bồ Tát. Nguyện con lập đây: [*“Cõi nước của con*] thù thắng hơn vô số nước của chư Phật” có thể đạt được hay chăng?

Giải:

Đoạn kinh văn này tiếp ý đoạn trước, nối kết đoạn sau. Trong phẩm trước, Pháp Tạng dùng kệ tỏ bày thế nguyện; trong đoạn kinh này, Ngài dùng lối văn trường hàng để bạch Phật: *“Đĩ phát vô thượng chánh giác chi tâm”* (Đã phát tâm Vô Thượng Chánh Giác). Đây là vì: Điều quan trọng để nhập đạo là trước hết phải phát tâm; việc cần gấp trước hết trong tu hành là phải lập nguyện. Vì vậy, Pháp Tạng Bồ Tát sau khi phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, mong kết đại nguyện vượt trội hơn vô số cõi Phật, nên Ngài thỉnh đức Thế Tôn vì mình diễn giảng kinh pháp.

Đại ý của đoạn kinh này là: Con nay lúc hành Bồ Tát đạo, đã phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Nguyện lúc thành Phật, hết thấy đều được như Phật. Vì vậy, xin đức Thế Tôn vì con rộng nói kinh pháp, con sẽ tin tưởng, phụng trì, tu hành đúng như pháp, nguyện vĩnh viễn lìa khỏi hết thấy gốc sanh tử nhọc nhằn. Ấy là vì sanh tử rất khổ, nó lại chẳng cạn kiệt, nên bảo là *“cần khổ”* (nhọc nhằn). Muốn trừ khổ quả sanh tử phải nhổ rễ của nó. Rễ của nó chính là các Hoặc: Kiến, Tư, Trần Sa, Vô Minh... Do đoạn sạch các Hoặc nên bảo là *“bạt chư cần khổ sanh tử căn bản”* (nhổ các cội rễ sanh tử nhọc nhằn).

Lại nguyện chóng thành Chánh Giác. Nghĩa của chữ *“tốc”* (mau chóng) trong đoạn kinh này giống như chữ *“tốc”* trong câu *“tốc sanh*

ngã sát thọ an lạc” (chóng sanh về cõi tôi hưởng an vui) của phẩm trước. Hai chữ “tốc” này cùng nói về nhất tâm. Pháp Tạng Bồ Tát tâm độ sanh khẩn thiết nên nguyện: “*Luân hồi chư thú chúng sanh loại, tốc sanh ngã sát thọ an lạc*” (Các loài chúng sanh luân hồi trong các đường mau sanh về cõi tôi hưởng an vui).

Câu “*chư thiên nhân dân cập quỳên nhuyển loại, lai sanh ngã quốc tất tác Bồ Tát*” (chư thiên, nhân dân và các loài trùng bay, bò... sanh về cõi tôi đều là Bồ Tát) ý nói: Các loài quần sanh sanh về nước tôi chẳng có Nhị Thừa, chỉ là Bồ Tát, đều thuộc địa vị Bồ Xứ. Vì vậy, đại nguyện của ngài Pháp Tạng thật là Nhất Thừa nguyện hải.

“*Tất thành Phật quả*” (Đều thành Phật quả) là Nhất Thừa, chẳng có hai hay ba thừa. Vì vậy, ba bậc vãng sanh đều cần phải phát Bồ Đề tâm. Rõ ràng, muốn mau thành Phật chỉ để chóng được độ sanh. Vì muốn độ sanh mau chóng nên lúc thành Phật cần phải đạt được “*trí huệ, quang minh, sở cư quốc độ, giáo thọ danh tự, giai văn thập phương*” (trí huệ, quang minh, quốc độ mình ở, dạy dỗ, danh hiệu đều nổi tiếng cả mười phương). Đây chính là căn bản của nguyện thứ mười bảy “*chư Phật khen ngợi*”, nguyện thứ mười tám “*mười niệm ắt vãng sanh*”, nguyện thứ mười chín “*nghe tên phát tâm*” trong bốn mươi tám đại nguyện vậy. Muốn khiến cho mười phương chúng sanh nghe danh hiệu Phật liền phát được tâm Bồ Đề, một dạ chuyên niệm, thậm chí chỉ mười niệm cũng đều được vãng sanh. Như vậy, chúng sanh đắc độ trước hết là do nghe danh. Do vậy, Pháp Tạng Bồ Tát nguyện lúc thành Phật thì quang minh, trí huệ của Phật, cõi nước thù diệu, siêu thắng, công đức, danh hiệu của Đạo Sư (tức giáo chủ Di Đà) vang dội mười phương. Do vậy, chúng sanh nghe danh, phát tâm liền được sanh Cực Lạc, quyết định thành Phật.

Câu cuối trong đoạn kinh văn này là lời thỉnh Phật chứng minh: “*Ngã lập thị nguyện, đô thắng vô số chư Phật quốc giả, ninh khả đắc phủ?*” (Nguyện con lập đây: [Cõi nước] thù thắng hơn vô số nước của chư Phật có thể đạt được chăng). Nguyện “*cõi Phật đã thành sẽ thù thắng hơn các cõi Phật khác*” đó chẳng biết có thể thành tựu được chăng, xin Phật dạy cho.

Ngoài ra, trong đoạn kinh trên, chữ “*vi*” (爲) trong câu “*vi Bồ Tát đạo*” là thực hành. “*Vô Thượng Chánh Giác*” là cách nói gọn chữ “*Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*”, tiếng Phạn là “*A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*”. “*Kinh pháp*” là lời do kim khẩu đức Phật nói ra, là

thường pháp (pháp thường hằng) cho muôn đời nên gọi là kinh pháp. “Phụng trì” chính là chữ “phụng hành” thường dùng, có nghĩa là “kính vâng nhận lấy” và “hành trì”. Do vậy, cuối các kinh thường ghi là “tín thọ phụng hành” (tin nhận, phụng hành) ý nói kính nhận lấy, tuân hành, cung kính gìn giữ.

“*Giáo thọ*”: Dạy truyền thánh ngôn gọi là “*giáo*” (教), giảng giải nghĩa lý là “*thọ*” (授) tức là dạy dỗ và truyền thọ nghĩa lý kinh pháp. Các thiện tri thức như vậy được gọi là “*giáo thọ thiện tri thức*”. Trong đoạn kinh trên đây, “*giáo thọ*” là cách nói giản lược về công hạnh của bậc đạo sư.

Chánh kinh:

世間自在王佛，即為法藏而說經言：譬如大海一人斗量，經歷劫數尚可窮底。人有至心求道，精進不止，會當尅果，何願不得。汝自思惟，修何方便，而能成就佛剎莊嚴。如所修行，汝自當知。清淨佛國，汝應自攝。

Thế Gian Tự Tại Vương Phật, tức vị Pháp Tạng nhi thuyết kinh ngôn: - Thí như đại hải nhất nhân đấu lượng, kinh lịch kiếp số thượng khả cùng đở. Nhân hữu chí tâm cầu đạo, tinh tấn bất chỉ, hội đương khắc quả, hà nguyện bất đắc. Nhữ tự tư duy, tu hà phương tiện, nhi năng thành tựu Phật sát trang nghiêm. Như sở tu hành, nhữ tự đương tri, thanh tịnh Phật quốc, nhữ ưng tự nhiếp.

Thế Gian Tự Tại Vương Phật liền vì Pháp Tạng mà nói kinh rằng: “Ví như có kẻ dùng đấu đong biển cả, trải qua bao kiếp số còn có thể đến tận đáy; người chí tâm cầu đạo tinh tấn chẳng ngại ắt đều thành công, nguyện gì chẳng đạt được. Ông tự suy nghĩ tu phương tiện nào để thành tựu được cõi Phật trang nghiêm. Việc tu hành như thế ông nên tự biết, đối với việc thanh tịnh cõi Phật ông nên tự nhiếp”.

Giải:

Đại ý của đoạn kinh này là Phật bảo Pháp Tạng rằng: Giả sử có một người dùng đấu để đong nước trong biển cả, đấu trải qua thời kiếp lâu xa vẫn có thể thấy được tận cùng đáy biển; người dùng tâm chí thành

cầu đạo, tinh tấn chẳng ngại ắt sẽ đắc quả. Chữ “hội” (會) được ngài Nghĩa Tịch giảng như sau: “*Giai dã*” (Hội nghĩa là đều), ngài Cảnh Hưng giảng là “*diệc tất dã*” (Hội có nghĩa là “ắt cũng”). Chữ Khắc (尅) giống chữ Khắc (剋), có nghĩa là đạt được, ắt hẳn, toại nguyện. Hơn nữa, có nguyện nào mà chẳng thể cầu đạt được

Trong cuốn Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận, cư sĩ Bành Thiệu Thăng giảng: “*Như ngài Pháp Tạng nói: ‘Con phát tâm Vô Thượng Chánh Giác’ thì nên biết rằng hết thấy các nguyện vương xuất sanh từ Vô Thượng Chánh Giác, hết thấy Tịnh Độ do đây được kiến lập. Vừa mới phát tâm, ngay lúc ấy Cực Lạc đã trang nghiêm trọn vẹn. Vì vậy, kinh nói: ‘Chỉ tâm cầu đạo, tinh tấn bất chỉ, hội đương khắc quả’ (Chỉ tâm cầu đạo, tinh tấn chẳng ngại, ắt đều thành công, nguyện gì chẳng được). Vì sao thế? Vì hết thấy pháp chẳng ngoài tự tâm vậy’*”. Thuyết của ông Bành tỏ rõ bản ý của đức Thế Tôn trong lời đáp. Ấy là vì phát khởi tâm chí thành nên tâm ấy ắt hàm chứa thánh quả. Vì nhân đã cùng tột quả hải nên hoa và quả đồng thời, chỉ cần tinh tấn thì nguyện gì chẳng thành; hết thấy nhân quả chẳng lìa tự tâm, chẳng có pháp nào ở ngoài tự tâm cả.

Trong đoạn tiếp theo, dùng liên tiếp ba chữ “tự”: “*Nhữ tự tư duy*” (Ông tự suy nghĩ), rồi: “*Nhữ tự đương tri*” (Ông tự nên biết), và “*nhữ ưng tự nhiếp*” (ông nên tự nhiếp) là đức Thế Tôn chẳng đáp trực tiếp, lại phải dùng đến ba chữ “tự”; thật là tấm lòng tha thiết, tâm ý sâu xa. Trong sách Hội Sớ, ngài Tuấn Đế người Nhật đã giải thích như sau: “*Câu ‘nhữ tự đương tri’ có ý giống như ba lượt ngăn không cho nói trong kinh Pháp Hoa: Nghĩa lý đó sâu xa quá, chẳng thể nói một cách dễ dàng được*”.

Thuyết này rất hay, câu kinh: “*Chỉ chỉ, bất tu thuyết*” (Thôi thôi, chớ nên nói) của kinh Pháp Hoa có cùng ý nghĩa với câu kinh này. Lục Tổ bảo: “*Mật tại nhữ biên*” (Điều ẩn mật ở ngay nơi người), bậc cổ Thiên đức nói: “*Nhữ tự hội thủ hảo, ngã bất như nhữ*” (Ông tự hiểu nhận lấy cái hay, tôi chẳng giống ông) cũng chính là ý nghĩa của ba chữ “tự” trong đoạn kinh ở đây. Ngài Tuấn Đế giảng tiếp rằng:

“*Câu này có ba nghĩa:*

1. *Từ xưa, Pháp Tạng Bồ Tát đã gieo trồng [thiện căn] sâu dày, cao tài, dũng triết siêu dị hơn đời; đối với việc nghiêm tịnh Phật quốc, Ngài đã rõ thấu từ lâu. Do trí Phật không gì không biết nên Ngài dạy:*

‘Ông biết như thế nào thì cứ tự thực hành như thế’ (Điều này lại chứng minh rằng ngài Pháp Tạng là từ quả hướng nhân).

2. *Nhiếp thủ Phật quốc đều tùy theo ý thích: Hoặc chọn lấy uế độ, hoặc cầu cõi thanh tịnh, hoặc dung nhiếp tam thừa, hoặc nguyện Nhất Thừa. Vì vậy, tùy lòng ưa thích của Bồ Tát mà chọn lấy, chẳng cần tuân theo ý chỉ của Như Lai.*

3. *Phàm là cõi Tịnh Độ, ắt có cõi là báo độ hay hóa độ. Pháp báo⁴⁹ cao diệu, Bồ Tát chẳng có phân, chỉ nên thuận theo sức mình mà nhiếp thủ nên bảo: ‘Ông tự nên biết’.*

“Chỉ nên thuận theo sức mình” như ngài Tuán Đế vừa nói chính là điều Tịnh tông dạy: Những việc thuộc về Pháp Thân vượt khỏi khả năng của Bồ Tát, phàm phu chẳng thể lãnh hội được nghĩa lý này. Trong đoạn kinh tiếp theo đây, Pháp Tạng Bồ Tát lại thỉnh cầu lần nữa.

Chánh kinh:

法藏白言：斯義宏深，非我境界。惟願如來應正徧知，廣演諸佛無量妙剎。若我得聞如是等法，思惟修習，誓滿所願。

Pháp Tạng bạch ngôn: - Tư nghĩa hồng thâm, phi ngã cảnh giới. Duy nguyện Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, quảng diễn chư Phật vô lượng diệu sát. Nhược ngã đắc văn như thị đẳng pháp, tư duy tu tập, thệ mãn sở nguyện.

Pháp Tạng bạch rằng:

- Nghĩa ấy sâu thẳm chẳng phải là cảnh giới của con, kính xin đấng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri diễn rộng vô lượng cõi nước màu nhiệm của chư Phật. Nếu con được nghe những pháp như vậy, tư duy, tu tập, thề sẽ viên mãn sở nguyện.

Giải:

“Cảnh” (境) là những điều tâm mình cảm thọ, nghĩ tưởng đến, như Sắc là cái được Nhãn Thức cảm thọ nên gọi là Sắc Cảnh, cho đến Pháp là điều được Ý Thức cảm thọ nên gọi là Pháp Cảnh. Xét về lý Thật

⁴⁹ Tức cõi của Pháp Thân và Báo Thân ở, tức Thường Tịch Quang Tịnh Độ và Thật Báo Trang Nghiêm Độ.

Tướng, điều gì được điều trí cảm thọ đều gọi là Cảnh, cũng thuộc về Pháp Cảnh. Giới là khu vực. “Giới” (界) là khu vực giới hạn. “Cảnh giới” là cảnh, phân hạn, khu vực được quán. Sách Vô Lượng Thọ Kinh Tiên Chú lại bảo: “*Khu vực mà sức thế lực của mình ảnh hưởng đến cũng như phân hạn của quả báo ta đạt được đều gọi là cảnh giới*”.

“Diễn” (演) là tuyên thuyết. “*Như Lai Ứng Chánh Biến Tri*” là ba hiệu trong số mười hiệu từ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri đến Phật. Ở đây chỉ nói tượng trưng về mười hiệu của Phật.

Đại ý của đoạn kinh này là: Pháp Tạng Bồ Tát thưa: “Nghĩa ấy quá sâu, vượt ngoài cảnh giới của con (nếu nói một cách thông thường, ta có thể miễn cưỡng hiểu “cảnh giới” là “trình độ hiểu biết”). Vì vậy, lại thỉnh Phật nói rộng vô lượng cõi Phật, con nghe xong rồi nhất định có thể tu hành đúng pháp, trọn vẹn sở nguyện”.

Sư Tuấn Đế bảo:

“*Câu ‘tu nghĩa hoằng thâm, phi ngã cảnh giới’ (nghĩa ấy sâu thẳm, chẳng phải là cảnh giới của con) cũng có ba nghĩa:*

- *Con đã biết cách thức thông thường của việc Bồ Tát trang nghiêm Tịnh Độ rồi, nay muốn đạt được Tịnh Độ tối thắng trong các cõi Phật thì nghĩa ấy quá sâu thẳm, chẳng phải là cảnh giới của con.*

- *Quả thật tuy là tùy theo sự ưa thích của mỗi người mà tự chọn lấy Tịnh Độ, nhưng nay con muốn cả năm thừa cùng được thâm tóm vào trong báo độ thì nghĩa ấy quá sâu thẳm, chẳng phải là cảnh giới của con (Báo Độ là chỗ Pháp Thân Đại Sĩ ở. Nay khiến cho Nhị Thừa và nhân, thiên cùng thuộc vào Báo Độ thì đây chẳng phải là điều phạm phu có thể thấu hiểu nổi).*

- *Tuy pháp báo cao diệu Bồ Tát chẳng có phân, nhưng con có thể trong vô lượng kiếp quyết sẽ đạt được (trải qua vô lượng kiếp ắt sẽ chứng ngộ Pháp Thân và Báo Thân, nhưng lúc này chưa có phân nên bảo là “chẳng phải cảnh giới của con”). Nghĩa ấy hoằng thâm (rộng lớn là Hoằng (閎), u viễn là Thâm (深)) chẳng phải là cảnh giới của con.*

Tuy có ba nghĩa khác nhau, nhưng bỏ đi phần mình để chuyên hướng về Phật lực. Đây chính là Pháp Tạng Bồ Tát tự mở ra tha lực môn vậy”.

Thuyết “*mở ra tha lực môn*” của ngài Tuấn Đế thật đã chỉ rõ sự thật mầu nhiệm siêu tình ly kiến chẳng thể nghĩ bàn, phương tiện rất ráo

Quả Giác nhân tâm của Tịnh tông. Thuyết của sư Tuấn Đế có thể hiểu thô thiển như sau:

Pháp Tạng Bồ Tát nói “*phi ngã cảnh giới*” (chẳng phải cảnh giới của con) có ba ý nghĩa:

- Một, con tuy đã biết đường lối chung để tạo dựng Tịnh Độ của các Bồ Tát, nhưng nay con muốn tạo dựng cõi Tịnh Độ tối thắng vượt hơn hẳn các cõi Phật thì đó “*chẳng phải là cảnh giới của con*”.

- Hai, Tịnh Độ được chọn để giữ lấy đó, trên thực tế tuy là tùy theo ý thích của mỗi cá nhân, nhưng nay con muốn gom trọn hành nhân cả năm thừa đều được sanh vào cõi nước của Báo Thân Phật thì trong mười phương chẳng có cõi nào được như vậy, nên đó “*chẳng phải là cảnh giới của con*”. Năm thừa là Nhân Thiên Thừa, Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, Bồ Tát Thừa, Phật Thừa (Như Lai thừa). Nay muốn khiến cho hành nhân cả năm thừa cùng vào được cõi của Báo Thân Phật thật là khác hẳn thường tình. Nhân Thiên Thừa là phàm phu. Thanh Văn, Duyên Giác là Tiểu Thừa. Nay muốn khiến cho hành nhân phàm phu được giống hết như Đại Thừa và đại Bồ Tát của Nhất Phật Thừa, cùng chứng cõi Thật Báo Tịnh Độ, thì nghĩa ấy rất sâu nên nói rằng: “*Phi ngã cảnh giới*” (Chẳng phải là cảnh giới của con).

- Ba, cảnh giới cao diệu của Pháp Thân và Thường Tịch Quang Tịnh Độ, Báo Thân và Thật Báo Trang Nghiêm độ chẳng phải là hạnh thông thường của hết thầy Bồ Tát, nhưng con có thể trong vô lượng kiếp chuyên tinh tu tập sẽ có thể chứng đắc. Chỉ vì hiện giờ con chưa đủ sức nên bảo là “*chẳng phải cảnh giới của con*”.

Lời đáp này của Pháp Tạng Bồ Tát tuy có ba nghĩa khác nhau, nhưng đều là “*phao khước kỷ phận, chuyên quy Phật lực*” (bỏ đi sức mình, chuyên cậy Phật lực). Bốn chữ “*phi ngã cảnh giới*” (chẳng phải là cảnh giới của con) chính là bỏ đi sức mình, thỉnh Phật khai thị chính là chuyên cậy Phật lực.

Trong đoạn kinh văn trên đây, Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai đáp: “*Nhữ tự tư duy*” (Ông tự tư duy), “*nhữ tự đương tri*” (ông tự nên biết) và “*nhữ ưng tự nhiếp*” (ông nên tự nhiếp), ba chữ “*tự*” đều chỉ tự tánh của đương nhân, khai hiển diệu tâm, chính là huyền chỉ “*tâm này là Phật*” của kinh Quán Vô Lượng Thọ. Muốn cho hết thầy chúng sanh hiểu được điểm căn bản này, nhận thức được linh tánh của mình mới có thể sanh khởi vô lượng vô biên diệu hạnh tự giác giác tha, nên Pháp

Tạng Bồ Tát lại thỉnh lần nữa: “*Phi ngã cảnh giới*” (Chẳng phải là cảnh giới của con) xin Phật rộng diễn nói để tỏ về kính mộ chư thánh vậy.

Sư Tuần Đế nói: “*Đấy chính là Pháp Tạng tự mở ra Tha Lực Môn vậy*”. Một lời này mở toang điều huyền vi của Tịnh tông, thế gian thường gọi Tịnh tông là Tha Lực Môn. Sở dĩ Tịnh tông có thể thích ứng khắp ba căn, một đời thành Phật, phàm phu, Nhị Thừa cùng chúng bất thoái đều là nhờ vào Nhất Thừa nguyện hải của Phật Di Đà, oai lực của sáu chữ hồng danh. Đó chính là “*cây vào tha lực*”. Sở dĩ Tịnh tông là phương tiện rốt ráo là vì đã lấy Vô Thượng Quả Giác của Phật Di Đà làm sơ tâm cho chúng sanh tu nhân. Nhân đã tốt cùng biến quả, quả lại thấu triệt nguồn nhân; nhân quả đồng thời, cảm ứng khó nghĩ bàn. Đấy chính là diệu dụng của Tha Lực Môn.

Hơn nữa, ngoại thánh thì dễ tin, cái linh tri trong tâm mình thì khó rõ. Do vậy, phàm phu đầy rẫy phiền não chỉ có thể tin rằng: “*Hữu thế giới danh viết Cực Lạc, kỳ độ hữu Phật hiệu A Di Đà*” (Có một thế giới tên là Cực Lạc, cõi ấy có Phật hiệu A Di Đà). Tin sâu xa vào hai chữ “**CÓ**” ấy mà khẩn thiết nguyện được vãng sanh, một dạ trì danh thì được như nguyện, mau đạt Bất Thoái. Đấy là điều phàm phu có thể thực hiện được. Nếu chỉ nói thấu hiểu tự tâm đến cùng tốt, ắt chỉ có bậc thượng trí mới có thể kham nổi!

Trong lúc tu nhân, Pháp Tạng Bồ Tát bi nguyện sâu thẳm, khai hiển pháp môn tha lực này, nên Phật Di Đà được cõi đời xưng tụng là Đại Nguyện Vương.

Ngoài ra, Mật tông cũng là Tha Lực Môn, cũng thuộc về Quả Giáo, cũng là từ quả khởi tu.

Tha Lực Môn thù thắng khó thể suy nghĩ nổi này chính là điểm cùng tốt của Di Đà bi nguyện, cũng chính là chỗ phương tiện rốt ráo của cả hai tông Tịnh và Mật. Đó là do Tự, Tha vốn bất nhị, **chỉ chịu cây vào tha lực thì mới có thể sanh nổi lòng tin trong sạch nơi pháp khó tin này. Khó tin mà tin nổi, toàn là do trí huệ vô thượng của đương nhân; đấy lại chính là tự lực.** Chỉ cần tin nhận, thật thà niệm Phật thì tự nhiên Năng, Sở đều mất, tự tâm hiện rõ, từ Sự Trì đạt đến Lý Trì, tâm phàm biến thành tâm Phật. Điểm nhiệm màu của Tịnh tông hoàn toàn là ở điểm này!

Pháp Tạng Bồ Tát sau khi bày tỏ “*chẳng phải cảnh giới của con*”, liền khai thỉnh Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai hãy vì mình diễn

rộng vô lượng cõi nước thù thắng nhiệm màu của chư Phật, Ngài được nghe các cõi nước màu nhiệm và cách thức nhiếp thủ các cõi như vậy sẽ tu duy, tu tập, thể sẽ viên mãn những điều Ngài đã phát nguyện.

Chánh kinh:

世間自在王佛知其高明，志願深廣，即為宣說二百一十億諸佛剎土功德嚴淨、廣大圓滿之相，應其心願，悉現與之。說是法時，經千億歲。

Thế Gian Tự Tại Vương Phật tri kỳ cao minh, chí nguyện thâm quảng, tức vị tuyên thuyết nhị bách nhất thập ức chư Phật sát độ công đức nghiêm tịnh, quảng đại viên mãn chi tướng, ứng kỳ tâm nguyện, tất hiện dữ chi. Thuyết thị pháp thời kinh thiên ức tuế.

Thế Gian Tự Tại Vương Phật biết ông ta cao minh, chí nguyện sâu rộng, liền vì ông ta tuyên thuyết công đức nghiêm tịnh, tướng trạng viên mãn rộng lớn của hai trăm mười ức các cõi nước Phật, ứng theo tâm nguyện ông ta đều hiện cho thấy. Lúc nói pháp ấy trải qua một ngàn ức năm.

Giải:

“Cao” (高) là trên, cao vời, xa thẳm. “Minh” (明) là sáng, chiếu, thông suốt. Sách Hội Sớ giảng: “Cao minh: Ý nói đức hạnh đầy đủ. ‘Thâm quảng’ (sâu rộng) là nói về nguyện tâm, nghĩa là: Trì Giới, Thiền Định trời vượt thế gian nên bảo là Cao. Phương tiện, Bát Nhã chiếu các pháp đến cùng tột nên bảo là Minh. Chiếu cùng tột đời vị lai chẳng gây trở ngại) nên bảo là Thâm, bao trùm hết thấy không sót nên bảo là Quảng”. “Tức vị tuyên thuyết” (Liền vì ông ta tuyên thuyết) là Phật thuyết pháp.

“Tất hiện dữ chi” (Đều hiện cho thấy) nghĩa là Phật hiện ra các cõi nước ấy. Thế Gian Tự Tại Vương Phật tuyên thuyết, thị hiện tướng trạng viên mãn rộng lớn, công đức nghiêm tịnh của hai trăm mười ức các cõi của chư Phật.

“Nghiêm tịnh” là trang nghiêm, thanh tịnh. Trong hai chữ “viên mãn”, “viên” (圓) nghĩa là trọn khắp, tánh thể trọn khắp là Viên; “mãn” (滿) nghĩa là đầy đủ. Vì vậy, “viên mãn” còn được gọi là “viên túc” (圓

足). Như vậy, “viên mãn” chính là huyền nghĩa “viên minh cụ đức” (tròn sáng, đầy đủ các đức) của tông Hoa Nghiêm.

Đối với “hai trăm mười ức cõi” ắt có kẻ nghi rằng: Ngay khi ấy, Pháp Tạng Bồ Tát chỉ thấy có hai trăm mười ức cõi, sao lại bảo rằng quốc độ của Ngài tạo dựng “đô thắng vô số chư Phật quốc giả” (đều thù thắng hơn vô số quốc độ của chư Phật)? Có hai cách trả lời câu vấn nạn này:

- Theo phẩm Hoa Tạng Thế Giới trong kinh Hoa Nghiêm, cõi Phật vô lượng nhưng nói chung có hai mươi tầng, số lượng các cõi nước vây quanh các cõi ấy nhiều bằng hai trăm mười vi trần số⁵⁰. Nay trong kinh này, cũng lấy con số hai trăm mười để chỉ số các cõi nước thì đã ngầm hợp với nghĩa lý kinh Hoa Nghiêm, hàm nhiếp vô lượng cõi nước trong mười phương.

- Hai là như Trí Độ Luận bảo: “*Khi xưa, A Di Đà Phật làm tỳ-kheo Pháp Tạng được Phật dẫn đến khắp mười phương chỉ cho cõi nước thanh tịnh để chọn lựa những nước tịnh diệu nhất để tự trang nghiêm cõi nước mình*”. Như vậy, kinh dùng chữ “hai trăm mười ức cõi” để phiếm chỉ cõi Phật mười phương.

Hơn nữa, hai trăm mười ức cõi Phật được nói ấy chỉ là những “quốc độ thanh tịnh” hay là tính cả những uế độ? Cổ đức căn cứ các câu kinh “*thiên nhân thiện ác*” (trời, người, thiện, ác), “*quốc độ thô, diệu*” mà lập ra hai thuyết khác nhau:

- Một là như Gia Tường Sớ ghi: “*Về mặt nhân lành, hai trăm mười ức cõi Phật tuy có phân chia hơn, kém, nhưng các cõi nước được chiêu cảm đều bằng bảy báu hóa hiện một cách thô diệu. Thô là to lớn, diệu là đẹp đẽ. Ý kinh bảo hai trăm mười ức cõi nước được ứng hiện ấy đều là cõi to lớn, đẹp đẽ mà thôi*”. Như vậy, Ngài Gia Tường cho rằng những cõi nước đã hiện chỉ là Tịnh Độ.

- Hai là Phật hiện cả cõi nước tịnh lẫn uế. Tịnh Ảnh Sớ chép: “*Thô là chẳng tinh. Nói đến cái ác, cái thô để xa lìa. Nói đến cái lành, cái đẹp là để tu tập*”, nghĩa là: Hai trăm mười ức cõi Phật được nói đó có cả tịnh lẫn uế. Các vị Cảnh Hưng, Nghĩa Tịch, Huyền Nhất, Vọng Tây cũng đều cho rằng có cả tịnh lẫn uế độ được hiện. Kinh Bi Hoa dạy:

⁵⁰ Vi trần số: Số lượng vi trần (bụi nhỏ) trong một cõi. Như vậy nói “hai trăm mười vi trần số” tức là bằng số lượng của các vi trần trong hai trăm mười cõi Phật.

“Hoặc hữu thể giới, nghiêm tịnh diệu hảo, nãi chí hoặc hữu thể giới, hữu đại hóa tai” (Cõi Phật được hiện hoặc có thể giới nghiêm tịnh, hảo diệu, cho đến hoặc có thể giới có đại hóa tai). Câu này chứng tỏ trong những cõi nước được hiện có cả uế độ.

Hơn nữa, cõi nước được hiện có cõi là báo độ, có cõi là hóa độ. Kinh Bi Hoa nói: “*Hoặc hữu thể giới, thuần thị Bồ Tát, biến mãn kỳ quốc, vô hữu Thanh Văn, Duyên Giác chi danh*” (Hoặc có thể giới thuần là Bồ Tát đầy khắp trong nước, chẳng có danh từ Duyên Giác, Thanh Văn). Đây là cõi của báo thân Phật.

Kinh cũng nói: “*Hoặc hữu thể giới thanh tịnh, vi diệu, vô chư trược ác*” (Hoặc có thể giới thanh tịnh, vi diệu, không có các trược ác), đây chính là Tịnh Độ của hóa Phật.

Lúc bấy giờ, đức Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai “*ứng kỳ tâm nguyện*” (ứng theo tâm nguyện của ông ta, tức tỳ-kheo Pháp Tạng) liền đều hiện cho thấy các hình tướng của cả hai trăm mười ức cõi Phật báo, hóa, tịnh, uế. Câu “*thuyết thị pháp thời kinh thiên ức tuế*” (lúc nói pháp ấy trải qua ngàn ức năm) thuật chi tiết về việc thuyết pháp, hiện cõi nước tường tận, lại còn ngụ ý: Thời gian cũng kéo dài hay rút ngắn vô ngại.

Chánh kinh:

爾時法藏聞佛所說，皆悉覩見，起發無上殊勝之願。於彼天人善惡，國土麤妙，思惟究竟。便一其心，選擇所欲，結得大願。精勤求索，恭慎保持。修習功德，滿足五劫。於彼二十一俱胝佛土功德莊嚴之事，明了通達，如一佛剎。所攝佛國，超過於彼。

Nhĩ thời Pháp Tạng văn Phật sở thuyết, giai tất đồ kiến, khởi phát vô thượng thù thắng chí nguyện. Ư bỉ thiên nhân thiện ác, quốc độ thô diệu, tư duy cứu cánh, tiện nhất kỳ tâm, tuyền trạch sở dục, kết đắc đại nguyện, tinh cần cầu sách, cung thận bảo trì, tu tập công đức, mãn túc ngũ kiếp. Ư bỉ nhị thập nhất câu-chi Phật độ công đức trang nghiêm chí sự, minh liễu thông đạt, như nhất Phật sát. Sở nhiếp Phật quốc, siêu quá w bỉ.

Lúc bấy giờ, Pháp Tạng nghe lời Phật dạy thấy đều thấy rõ, khởi phát nguyện thù thắng vô thượng. Với thiên, nhân, thiện, ác, quốc độ thô, diệu của các cõi ấy đều tư duy đến rốt ráo, Ngài liền dốc một lòng chọn lựa lấy điều mình mong muốn kết thành đại nguyện, siêng gắng cầu lấy, cung kính, thận trọng gìn giữ, hành trì, tu tập công đức trọn đủ năm kiếp. Với các công đức trang nghiêm của hai mươi một câu-chi cõi Phật kia, Ngài hiểu rõ, thông đạt như một cõi Phật. Cõi nước được Ngài nhiếp thọ siêu việt các cõi kia.

Giải:

“Đổ” (覩) là thấy. Sách Bình Giải giảng: “Đổ là thấy bằng mắt, Kiến (見) là thấy bằng Huệ như cái thấy của Kiến Phần⁵¹. Chữ ‘đổ kiến’ có ý nghĩa suy cầu và soi xét”. Như vậy Kiến là thấy bằng trí huệ, tức như cái thấy của Kiến Phần được nói trong Duy Thức, bao gồm ý nghĩa “suy cầu” và “soi xét”. Nay kinh ghi là “đổ kiến” tức là cả hai ý nghĩa (tức là thấy bằng mắt và thấy bằng trí huệ) đều trọn đủ.

Ngay trong lúc ấy, ngài Pháp Tạng đối với hai trăm mười ức cõi Phật do đức Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai hiện ra đều tận mắt thấy, tâm hiểu rõ cả. Nếu ai ngờ vực tỳ-kheo Pháp Tạng còn đang tu nhân làm sao trông thấy khắp các cõi nước tịnh diệu của mười phương chư Phật nổi, tôi xin đáp rằng:

Kinh Pháp Tập dạy: “Bồ Tát Ma Ha Tát, đắc bỉ chư Phật Như Lai thiên nhãn” (Bồ Tát Ma Ha Tát đắc thiên nhãn của đức Phật Như Lai ấy), Trí Độ Luận cũng nói: “Thiên nhãn thấy cùng tột, bất động nhưng đến khắp nơi. Mười phương chẳng đến [chỗ tỳ-kheo], tỳ-kheo cũng chẳng đi qua đấy, nhưng giống như thiên nhãn của Phật, nên cùng một lúc trông thấy rõ cả mười phương cõi nước”. Dựa theo các kinh, luận trên đây, ta thấy được rằng: Pháp Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nương thần lực gia bị của Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, được thiên nhãn như Phật, nên có thể bất động mà thấy trọn mười phương. Với các cõi nước Phật đã nói, Ngài đều trông thấy, hiểu rõ cả.

⁵¹ Kiến phần: Còn gọi là Năng Thủ Phần. Kiến có nghĩa là soi rõ, nhận thức. Kiến Phần chỉ cho tác dụng nhận thức của tám thức (Duy Thức học gọi là Năng Duyên Dụng). Cái được Kiến Phần nhận thức gọi là Tướng Phần. Ví dụ như: Mắt có khả năng thấy được các hình sắc thì khả năng nhìn thấy là Kiến Phần, các hình sắc được thấy bởi mắt là Tướng Phần.

Trong câu “*khởi phát vô thượng thù thắng chi nguyện*” (khởi phát nguyện thù thắng vô thượng), chữ “*khởi*” (起) nghĩa là phát khởi (dấy lên, phát ra). Nguyện ấy không gì hơn được nên gọi là “*vô thượng*”. “*Thù thắng*”: Sự gì siêu tuyệt, hy hữu thì gọi là “*thù thắng*”. Sách Hội Sớ giảng: “*Không gì hơn được nguyện này nên bảo là ‘vô thượng’. Siêu thắng (vượt trội xa) các nguyện nên bảo là ‘thù thắng’. Đó là vì trang nghiêm vô thượng, hưởng vui vô thượng, quang minh, thọ lượng vô thượng, danh hiệu vô thượng, chánh nhân vãng sanh vô thượng, lợi ích vô thượng. Đây chính là đại thể (bản thể to lớn) của cả bốn mươi tám nguyện*”.

“*Thiên, nhân, thiện, ác*”: Phán định về tánh thiện, ác có nhiều thuyết bất nhất. Ở đây, tôi chỉ giới thiệu các thuyết trọng yếu nhất:

- Một, kinh Bồ Tát Anh Lạc coi thuận theo Đệ Nhất Nghĩa Đế là thiện, trái nghịch Đệ Nhất Nghĩa Đế là ác. Kinh dạy: “*Nhất thiết chúng sanh thức, thí khởi nhất tướng trụ u duyên. Thuận Đệ Nhất Nghĩa Đế khởi danh thiện, bội Đệ Nhất Nghĩa Đế khởi vi ác*” (Thoạt tiên, tâm thức của hết thảy chúng sanh khởi lên một ý tướng trụ vào duyên. Thuận theo Đệ Nhất Nghĩa Đế mà khởi thì gọi là thiện, trái nghịch Đệ Nhất Nghĩa Đế mà khởi thì gọi là ác). Đệ Nhất Nghĩa Đế mà kinh vừa nói chính là Chân Đế, Thánh Đế, Chân Như, Thật Tướng, Trung Đạo v.v... cũng chính là Thật Tế Lý Thể. “Đế” (諦) là đạo lý chân thật. Đạo lý ấy là bậc nhất trong các pháp nên gọi là Đệ Nhất Nghĩa Đế. Nếu chúng sanh khởi một niệm thuận với Lý Thể thì là thiện, trái với Lý Thể thì thành ác. Cách phán định này lấy Lý Thể làm chuẩn.

- Hai, Duy Thức Luận coi các hành pháp dù hữu lậu hay vô lậu nhưng thuận ích cho đời này, đời sau là thiện; những hành pháp hữu lậu tổn nghịch đời này, đời sau là ác. Luận viết: “*Có thể thuận ích cho đời này, đời khác thì gọi là Thiện. Quả vui trong cõi trời, người tuy thuận ích cho đời này nhưng chẳng thuận ích đời sau, nên chẳng được gọi là Thiện. Gây tổn hại cho đời này, đời sau thì gọi là Bất Thiện. Khổ quả trong đường ác tuy là tổn nghịch cho đời này nhưng chẳng tổn hại đời sau, nên chẳng gọi là Bất Thiện*”. Đây là cách phán định thiện, ác trên quan điểm thuận ích hay tổn nghịch.

- Ba là như ngài Tịnh Ảnh phán định ba thứ thiện, ác:

a. “*Thuận ích là thiện, tổn nghịch là ác*”. Cách phán định này giống với Duy Thức Luận.

b. “*Thuận lý là thiện, nghịch lý là ác*”. Lý là vô tướng tánh không. Ví dụ như: Khi thực hành bố thí, nếu có thể đối với người thí, kẻ nhận, và vật được thí đều thấy Thể của chúng là không, chẳng có gì, thì là thuận theo Lý. Vô tướng mà hành là thiện. Nếu còn ý tưởng có kẻ thí, người nhận, vật đem bố thí thì là trái lý, là hữu tướng hành, nên là ác. Như vậy, thiện pháp đã tu của các vị trên kể từ Phật, Bồ Tát dưới đến A La Hán mới là thiện. Thiện pháp của chúng sanh tu đều là hữu tướng hành nên gọi là ác.

c. “*Thuận theo Thể là thiện, trái với Thể là ác*”. Quan điểm này vừa tương đồng cách phán định thứ hai vừa giống với quan điểm của kinh Anh Lạc. Chân tánh của pháp giới là tự thể của chính mình. Thể tánh duyên khởi trở thành hạnh đức, sở hạnh chỉ là tự thể; tâm không duyên vào đâu, tùy theo ý thích mà chẳng phạm giới, đấy mới là Thiện. Theo quan điểm này, chẳng luận phạm phu, Nhị Thừa, kể cả tam thừa (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát) đều làm điều thiện mà còn có chỗ duyên vào thì đều là ác cả.

- Bốn là như tông Thiên Thai lập ra sáu thứ thiện ác:

a. Cái thiện trong trời, người như Ngũ Giới, Thập Thiện là Sự Thiện (điều lành về mặt Sự), nhưng khi quả báo cõi trời người đã hết, lại đọa trong ba ác đạo nên cũng là ác.

b. Cái thiện của Nhị Thừa: Xa lìa nổi khổ tam giới nên gọi là thiện, nhưng chỉ tự độ, chẳng độ được người nên cũng là ác.

c. Cái thiện của Bồ Tát: Từ bi cứu vớt hết cả nên là thiện, nhưng chưa đoạn một mảy phiền não nên gọi là ác.

d. Cái thiện của tam thừa trong Thông giáo: Tam thừa cùng đoạn được Kiến Tư phiền não nên là thiện, nhưng rớt vào nhị biên (có và không), chẳng thấy được lý Trung Đạo của Biệt giáo, chưa đoạn được một phần vô minh nên cũng là ác.

e. Cái thiện của Bồ Tát trong Biệt giáo: Thấy được lý Trung Đạo là thiện, nhưng vẫn còn cách biệt Trung Đạo, chẳng thể thấy được Diệu Trung (lý Trung Đạo màu nhiệm) viên dung của Viên giáo, sở hành còn vướng trong phương tiện, chẳng xứng hợp lý nên cũng là ác.

f. Cái thiện của Viên giáo Bồ Tát: Lý viên diệu là điều thiện cùng tốt, nhưng lý này có hai nghĩa:

* Viên lý thuận với Thật Tướng là thiện, trái nghịch Thật Tướng là ác.

* Thấu đạt viên lý này là thiện, chấp trước viên lý lại thành ác. Chấp vào viên lý còn là ác, huống hồ là chấp vào các pháp khác!

Quan điểm “*thấu đạt viên lý là thiện, chấp trước viên lý là ác*” là giáo thuyết độc đáo do tông Thiên Thai phát huy, nghĩa lý này thật tinh diệu.

“*Quốc độ thô diệu*”: Chữ “*thô diệu*” như phần trên đã giảng. “Thô” (麤) là chằng tinh, “diệu” (妙) là thắng diệu (tốt đẹp tuyệt vời). Sư Nghĩa Tịch bảo: “*Trong Tịnh Độ có thô, diệu sai khác. Thô chính là biến hóa, diệu chính là thọ dụng*” nghĩa là: Trong Tịnh Độ, có các sự thô hay diệu sai khác. Thô là có suy, có biến đổi, còn Diệu là cõi Thật Báo Tự Thọ Dụng hay Tha Thọ Dụng.

“*Thiên nhân thiện, ác*” là nhân, “*quốc độ thô, diệu*” là quả. Người lành thời cõi nước diệu, người ác ắt cõi nước hèn kém. Vì vậy, sách Hội Sớ bảo: “*Quốc độ chính là hình bóng của chúng sanh. Hình dài thì bóng nó dài, hình ngắn thì cõi đất ngắn ngủi*”. Ý nói: Quốc độ thô hay diệu giống như cái bóng. Thân dài hay ngắn là hình; cái bóng do hình quyết định, bóng ắt phụ thuộc hình. Vì vậy, Tịnh Ảnh Sớ ghi: “*Câu ‘thiên nhân thiện ác’ phiếm chỉ cái nhân của các cõi nước. ‘Quốc độ thô diệu’ là chỉ chung cái quả hết thảy các cõi*”.

“*Tư duy cứu cánh, tiện nhất kỳ tâm, tuyển trạch sở dục, kết đấng đại nguyện*” (Tư duy đến rốt ráo, Ngài liền nhất tâm chọn lựa lấy điều mình mong muốn kết thành đại nguyện): Với mỗi một cái nhân thiện ác, mỗi quả thô, diệu của các cõi Phật, Pháp Tạng Bồ Tát đều suy nghĩ, phân biệt tỉ mỉ đến cùng cực, thấu đạt rốt ráo. “*Cứu cánh*” (rốt ráo) chính là Chân Thật Tế được nói trong kinh, cũng là một pháp cú, thanh tịnh cú “*chân thật trí huệ vô vi Pháp Thân*”. Ngài bèn chuyên nhất tư tâm, chọn lựa lấy ý nguyện độ sanh, khai hóa, hiển thị, nêu lên các thứ y báo, chánh báo trang nghiêm, pháp môn Tịnh Độ chẳng thể nghĩ bàn, kết thành đại nguyện để ban cho chúng sanh cái lợi chân thật.

“*Nhất kỳ tâm*” (Độc một lòng) chính là nhất tâm. Vì thế, phẩm này mang tên Chí Tâm Tinh Tấn. Nhất tâm tức là Chân Như như sách Chỉ Quán nói: “*Nhất tâm đủ mười pháp giới*”. Sách Thám Huyền Ký cũng nói: “*Nhất tâm là tâm không có một niệm khác*”. Sách Giáo Hạnh Tín Chứng Văn Loại còn viết: “*Một niệm là tín tâm không có hai tâm*”.

nên bảo là một niệm. Đấy gọi là nhất tâm. Nhất tâm là cái nhân chân thật của báo độ thanh tịnh vậy”. Câu trên giống hệt như câu “nhất tâm kết thành đại nguyện” trong kinh này vậy, chỉ rõ: Nhất tâm chính là cái nhân chân thật của báo độ.

Với câu “*ting cần cầu sách*” (siêng gắng cầu lấy), hai bản Hán dịch và Ngô dịch đều chép là “*dũng mãnh tinh tấn, cần khổ cầu sách*” (dũng mãnh tinh tấn, vất vả tìm tòi) nên chữ “*ting*” (精) ở đây là tinh tấn, “*cần*” (勤) có nghĩa là gắng gỏi, chăm chỉ. “*Cầu*” (求) là mong cầu, “*sách*” (索) là giữ lấy.

Bản Hán dịch ghi câu “*cung thận, bảo trì*” (cung kính, thận trọng gìn giữ) như sau: “*Ngã đương phụng trì, đương tức Trung Trụ*” (Con sẽ phụng trì, sẽ trụ vào Trung Đạo). “*Cung*” (恭) là cung kính, “*thận*” (慎) là cẩn thận, chí thành, tịch tịnh. Câu “*đương tức Trung Trụ*” (sẽ trụ nơi Trung Đạo) trong bản Hán dịch chính là ý nghĩa thật sự của hai chữ “*cung*” và “*thận*”. An trụ nơi Trung Đạo là cung kính, chí thành một cách chân thật. Chữ “*bảo*” (保) trong “*bảo trì*” (gìn giữ, hành trì) cùng nghĩa chữ “*bảo*” trong “*bảo nhậm*” (bảo đảm). Nhà Thiên nói: “*Tâm tâm chẳng khác là bảo* (gìn giữ)”. “*Trì*” (持) là hành trì, cũng có nghĩa là giữ lấy. Như vậy, chữ “*bảo trì*” tương đương chữ “*phụng trì*” (奉持) của bản Hán dịch. Do đó, “*cung thận bảo trì*” (cung kính, thận trọng gìn giữ, hành trì) có nghĩa là tự nhiên cung kính, nghiêm túc, thung dung Trung Đạo, tâm tâm chẳng khác, tùy ý tự chấp trì vậy.

Câu “*tu tập công đức, mãn túc ngũ kiếp*” (tu tập công đức trọn đủ năm kiếp) được bản Ngô dịch ghi như sau: “*Cụ túc ngũ kiếp, tư duy nhiếp thủ trang nghiêm Phật quốc thanh tịnh chi hạnh*” (Tư duy trọn đủ năm kiếp, thâm tóm, giữ lấy hạnh thanh tịnh trang nghiêm Phật quốc). Bản Đường dịch ghi: “*Ư bỉ nhị thập nhất ức chư Phật độ trung sở hữu trang nghiêm chi sự, tất giai nhiếp thủ. Ký nhiếp thủ dĩ, mãn túc ngũ kiếp, tư duy tu tập*” (Với tất cả các sự nghiêm tịnh của hai trăm mười ức cõi Phật ấy đều nhiếp thủ cả. Đã nhiếp thủ xong, tư duy tu tập trọn cả năm kiếp). Bản Tống dịch chép: “*Trụ nhất tịnh sở, độc tọa tư duy, tu tập công đức, trang nghiêm Phật sát, phát đại thệ nguyện, kinh u ngũ kiếp*” (Ở nơi thanh tịnh, ngồi một mình tư duy, tu tập công đức trang nghiêm cõi Phật, phát đại thệ nguyện trong suốt cả năm kiếp).

Với câu này, cổ đức có nhiều thuyết khác nhau:

* Các vị Tịnh Ảnh, Cảnh Hưng cùng cho rằng năm kiếp là thời gian tu hành sau khi phát nguyện. Sách Tịnh Ảnh Sớ viết: “*Nương nguyện tu hành*” và “*vì vậy, ở ngay nơi đức Phật ấy, ngài Pháp Tạng ngay trong một thân tu hành năm kiếp*”. Sách Lược Tiên cũng ghi: “*Đây là thời gian tu hành. Trong thời gian năm kiếp, tư duy, siêng năng tu tập, tu thành tựu viên mãn cái hạnh mình đã nguyện. Đã phát nguyện xong chẳng thể không có hạnh*”. Các ý kiến trên đều cho rằng năm kiếp là thời gian tu hành sau khi phát nguyện.

* Năm kiếp chính là thời gian phát nguyện. Sách Hợp Tán bảo: “*Năm kiếp là thời gian phát nguyện, tư duy*”. Ngài Vọng Tây cũng đồng quan điểm này. Sách Hội Sớ viết: “*Phàm Bồ Tát kiến lập Tịnh Độ thì cũng giống như thợ giỏi xây dựng đại thành, trước hết phải suy nghĩ, hoạch định họa đồ... Năm kiếp tư duy như vẽ đồ án*”. Quan điểm này cho rằng năm kiếp tư duy giống như trước khi thi công, phải thực hiện đồ án. Sách Hợp Tán đồng quan điểm với sách Hội Sớ, cũng cho rằng năm kiếp là thời gian phát nguyện, chẳng phải là thời gian tu hành sau khi đã phát nguyện. Sách Bình Giải cũng có cùng một nhận định. Các vị ấy đều lấy bản Ngụy dịch làm chứng cứ để lập luận.

* Riêng ngài Gia Tường lại bảo: “*Trong năm kiếp tu hành phát nguyện*”. Thuyết này nêu cả tu hành lẫn phát nguyện nhưng lấy phát nguyện làm chỗ quy thú, rất phù hợp với ý bản Tống dịch. Do bản Tống dịch trước tiên viết: “*Tư duy tu tập*” rồi viết tiếp: “*Phát đại thệ nguyện, kinh ư ngũ kiếp*” (Phát đại thệ nguyện suốt trong năm kiếp), ta thấy: Trong năm kiếp Ngài dùng hạnh thanh tịnh tu tập đại nguyện giữ lấy cõi Phật thanh tịnh. Trọn cả năm kiếp đại nguyện mới thành.

Quan điểm này rất phù hợp với ý hội bản: Phải là sau khi “*tinh cần cầu sách, cung thận bảo trì, tu tập công đức, mãn túc ngũ kiếp*” (siêng gắng tìm lấy, cung kính, thận trọng gìn giữ, hành trì, tu tập công đức trọn đủ năm kiếp) thì “*sở nhiếp Phật quốc, siêu quá ư bỉ*” (quốc độ được Ngài nhiếp thủ mới siêu việt các cõi ấy). Kinh chép như vậy thật tương hợp với thuyết của ngài Gia Tường. Vì vậy, “*năm kiếp tu hành*” là thời gian tu hành và phát nguyện.

Chữ “*câu-chi*” (koti) trong đoạn kinh trên có nghĩa là một ngàn vạn. Trong năm kiếp, tỳ-kheo Pháp Tạng đối với các thứ công đức kỳ diệu, trang nghiêm thù thắng của hai trăm mười ức cõi Phật, đối với mỗi một thứ thiện, ác, thô, diệu sai biệt đều “*minh liễu thông đạt như nhất Phật sát*” (hiểu rõ, thông đạt như là một cõi Phật).

Qua một thời gian dài suy nghĩ, chọn lựa, tu tập, nhiếp thủ, nên mới có thể kết thành đại nguyện, ngũ hầu “*sở nhiếp Phật quốc, siêu quá u bi*” (quốc độ được Ngài nhiếp thủ vượt trội các cõi kia). Chữ “*bi*” (kia) chỉ hai trăm mười ức cõi Phật. Nay cõi Phật được nhiếp thủ bởi đại nguyện của Pháp Tạng Bồ Tát không những thật sự siêu việt hai trăm mười ức cõi Phật mà còn siêu việt mười phương cõi Phật, cực tả sự thù thắng độc diệu (nhiệm màu tuyệt vời độc nhất) của cõi Cực Lạc.

Chánh kinh:

既攝受已，復詣世自在王如來所，稽首禮足，繞佛三匝，合掌而住，白言世尊，我已成就莊嚴佛土，清淨之行。

佛言：善哉！今正是時，汝應具說，令眾歡喜。亦令大眾，聞是法已，得大善利。能於佛剎，修習攝受，滿足無量大願。

Ký nhiếp thọ dĩ, phục nghệ Thế Tự Tại Vương Như Lai sở, khê thủ lễ túc, nhiều Phật tam táp, hiệp chương nhi trụ, bạch ngôn:

- Thế Tôn, ngã dĩ thành tựu trang nghiêm Phật độ, thanh tịnh chi hạnh.

Phật ngôn:

- Thiện tai! Kim chánh thị thời, như ưng cụ thuyết, linh chúng hoan hỷ, diệt linh đại chúng, văn thị pháp dĩ, đắc đại thiện lợi, năng u Phật sát, tu tập nhiếp thọ, mãn túc vô lượng đại nguyện.

Đã nhiếp thọ xong, lại đến chỗ Thế Tự Tại Vương Như Lai, dập đầu lễ dưới chân Phật, nhiều Phật ba vòng, đứng chấp tay, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, con đã thành tựu hạnh thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật.

Phật khen:

- Lành thay! Nay chính là đúng lúc, ông nên thuật đủ, khiến cho đại chúng hoan hỷ, cũng khiến cho đại chúng nghe pháp ấy

xong được đại thiện lợi, có thể tu tập, nhiếp thọ cõi Phật, đầy đủ vô lượng đại nguyện.

Giải:

Câu “*ký nhiếp thọ dĩ*” (đã nhiếp thọ⁵² xong) là câu để nối kết đoạn kinh trước với đoạn kinh này. Khi đó, Pháp Tạng Bồ Tát lại đến chỗ đức Thế Gian Tự Tại Vương Phật. “*Khê thủ*” là cúi đầu sát đất. “*Lễ túc*” là dùng đầu mình áp sát chân Phật. Kế đó, nhiễu Phật cũng là cách kính lễ. “*Tam táp*” là nhiễu quanh Phật ba vòng, biểu thị ý trân trọng hành lễ. Đi nhiễu xong liền chấp tay đứng yên trước Phật, hướng về đức Phật bạch rằng: “*Ngã dĩ thành tựu trang nghiêm Phật độ, thanh tịnh chi hạnh*” (Con đã thành tựu hạnh thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật). Phật khen “*thiện tai!*” (lành thay), ý nói: Hạnh của tỳ-kheo Pháp Tạng thật vừa ý thánh tâm, thông suốt bốn hoài của Phật, ứng trọn các căn cơ nên được Phật khen ngợi, chấp thuận. “*Thiện tai!*” là tiếng biểu lộ sự vui mừng rất sâu của Phật.

“*Kim chánh thị thời*” (Nay chính là đúng lúc): Do thời cơ chín muồi để gom ba thừa về một thừa, hành giả cả ba thừa cùng được hưởng xe trâu trắng lớn, cùng nhập một Như Lai thừa để khai tri kiến Phật, chỉ bày tri kiến Phật cho các chúng sanh nên kinh Pháp Hoa nói: “*Kim chánh thị thời!*” Trong kinh này cũng thế, muốn cho thập phương cửu giới chúng sanh cùng nhập Nhất Thừa đại thế nguyện hải của Phật Di Đà, hết thảy hàm linh đều được độ thoát, nên Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai bảo: “*Kim chánh thị thời, nhữ ưng cụ thuyết, linh chúng hoan hỷ, diệc linh đại chúng văn thị pháp dĩ, đắc đại thiện lợi*” (Nay chính là đúng lúc, ông nên thuật đủ khiến đại chúng hoan hỷ, cũng khiến cho đại chúng nghe pháp ấy xong được đại thiện lợi). Như Lai có ý khuyên Pháp Tạng tuyên thuyết để toàn bộ đại chúng được lợi ích. Hai chữ “*đại chúng*” bao gồm đại chúng hiện diện khi ấy lẫn hết thảy phàm phu, Nhị Thừa và Bồ Tát trong đời tương lai (bọn phàm phu chúng ta ngày nay cũng nằm trong số này). Nói ra sẽ khiến cho khắp đại chúng được nghe cùng phát nguyện vãng sanh, mau vượt khỏi biển khổ sanh tử nên “*linh chúng hoan hỷ*” (khiến cho đại chúng hoan hỷ); cũng khiến cho đại chúng nghe pháp được lợi ích, phát trọn khắp cái nguyện của Di Đà, học theo hạnh của ngài Pháp Tạng, nhiếp thủ cõi Phật, viên mãn đại nguyện.

⁵² Trong đoạn này, kinh văn dùng chữ “nhiếp thọ” nghĩa là tiếp nhận trọn hết, còn trong đoạn trên, lời chú giải dùng chữ “nhiếp thủ” (giữ lấy trọn hết) là theo từ ngữ của bản Ngụy dịch, ý nghĩa cũng tương đồng.

Tịnh Ảnh Sớ giảng: “*Pháp Tạng tự nói nguyện của mình xong khiến các Bồ Tát học theo Ngài cùng phát nguyện*”. Sách Hội Sớ cũng nói: “*Bồ Tát nghe xong tự phát tâm dũng mãnh. Ông là trưởng phu, ta cũng vậy, ông đã phát nguyện nhiệm màu, ta há chẳng bằng ông sao? Vì vậy, nguyện của Pháp Tạng làm duyên viên mãn đại nguyện [của đại chúng]*”.

“*Mãn túc vô lượng đại nguyện*” (Đầy đủ vô lượng đại nguyện) là viên mãn hết thảy chí nguyện. Sách Vãng Sanh Luận Chú viết: “*Viên mãn một nguyện vãng sanh Tịnh Độ chính là viên mãn hết thảy các chí nguyện, nên bảo là: Mãn túc vô lượng đại nguyện*”. Đàm Loan đại sư (tác giả sách Vãng Sanh Luận Chú) quả thật đã giải bày trọn vẹn tâm tủy của chư Phật. Cái đại nguyện do Pháp Tạng Bồ Tát trong cả năm kiếp siêng gắng tìm cầu, chọn lọc [các cõi Phật thanh tịnh] thật ra chỉ là một nguyện nhằm làm cho chúng sanh chân thật phát khởi ý nguyện cầu vãng sanh Tịnh Độ. Vì vậy, bọn phàm phu đời mạt chúng ta chỉ cần viên mãn nguyện này ắt liền xứng hợp Di Đà đại nguyện, liền nhập Nhất Thừa nguyện hải, liền có cùng một thể với Di Đà đại nguyện, nên mới bảo: “*Đầy đủ vô lượng đại nguyện*”. Những gì là phương tiện, những gì là đường thẳng chóng? Chính là từ quả khởi tu thẳng đến cứu cánh. Pháp môn Tịnh Độ thật chẳng thể nghĩ bàn!